

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN
1. XÃ TÂN THUẬN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận	Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận	420
2	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận (Theo kênh xáng phía bên UBND xã)	Về hướng Vàm mương:1000m	420
3	Xã Tân Thuận	Khu QHDC 1/500		470
4	Xã Tân Thuận	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, về hướng ngã ba Bông Két)	Hết ranh đất ông Việt Hùng (Ngang chùa Kim Liên Cổ Tự)	360
5	Xã Tân Thuận	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, phía Tây)	Về các hướng Thuận Hòa: 300m	360
6	Xã Tân Thuận	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	400
7	Xã Tân Thuận	Ngã tư Trạm Y tế	Về các hướng: 200m	370
8	Xã Tân Thuận	Ngã ba Bồn Bồn	Về các hướng: 200m	300
9	Xã Tân Thuận	Ngã Tư ông Rum	Về các hướng: 200m	300
10	Xã Tân Đức cũ	Ngã tư Hiệp Bình	Về các hướng: 200m	310
11	Xã Tân Đức cũ	Ngã tư Tân Phước (Đầu Trâu)	Về các hướng: 200m	290
12	Xã Tân Đức cũ	Ngã tư kênh Sáu Đông	Về các hướng: 200m	240
13	Xã Tân Đức cũ	Cầu 6 Tấn	Cầu Chúa Biện	480
14	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Đức cũ	Cầu Tân Đức 2	Cầu 6 Đông	500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Ngã tư Soa Đũa (So Đũa)	Về các hướng: 200m		300
16	Ngã tư Ông Rum	Về các hướng: 200m		240
17	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m		240
18	Ngã tư Chồng Mỹ	Về các hướng: 200m		300
19	Lộ Đầm Dơi - Cà Mau	Cầu Tân Lợi	Cầu Tân Đức 2	420
20	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Toàn tuyến đoạn qua địa bàn huyện Đầm Dơi (xã Tân Thuận)		600
21	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Cầu Chúa Biện	500m về 02 hướng	900
22	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Cầu Đồng Trên	500m về 02 hướng	900
23	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Cầu Ông Chữ	500m về 02 hướng	900
24	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Trung Kiệt	500m về hướng Đầm Dơi	900
25	Tuyến đường dẫn cầu Gành Hào	Giao trục lộ Đông -Tây	hết địa phận xã	500
26	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
27	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
28	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180